

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ICAPITAL

Add: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam
Tứ Liêm, Hà Nội Tel: +84-4-38611513 Fax: +84-4-38611 511
Email: xdbd@ptic.vn Website: www.ptic.vn

Số: 104/CBTT-iCapital

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh
Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam

Tổ chức niêm yết : Công ty Cổ phần Đầu tư iCapital

Mã chứng khoán : PTC

Địa chỉ : Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ
Trì, quận Nam Tứ Liêm, Hà Nội.

Điện thoại : 024.38611513 Fax: 024.38611511

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Đầu tư iCapital Công bố: Báo cáo tài chính tổng hợp quý II năm 2022
Thông tin đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Đầu tư iCapital từ ngày
28/7/2022 tại đường dẫn: <http://www.ptic.vn> chuyên mục **Quan hệ cổ đông**.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm
trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như k/g;
- Lưu VT, TK.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ ICAPITAL
TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THÀNH CÔNG

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ ICAPITAL

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2022

Tháng 07 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ICAPITAL

Địa chỉ: Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		123,139,133,101	224,005,942,142
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3,927,351,298	79,150,537,183
1. Tiền	111		2,366,674,488	77,618,589,085
2. Các khoản tương đương tiền	112		1,560,676,810	1,531,948,098
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2a	90,144,477,981	66,744,283,413
1. Chứng khoán kinh doanh	121		121,862,066,716	71,684,006,155
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(31,717,588,735)	(4,939,722,742)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		28,824,105,493	77,840,972,068
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	18,281,989,498	67,144,766,498
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	159,885,000	5,585,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	3,900,000,000	4,200,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	6,882,417,917	6,890,807,492
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(400,186,922)	(400,186,922)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		243,198,329	270,149,478
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	53,580,000	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		32,885,106	113,416,255
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	156,733,223	156,733,223
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ICAPITAL

Địa chỉ: Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		427,825,987,771	333,534,199,340
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		58,938,000	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	58,938,000	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		4,557,846,612	4,944,321,288
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	4,557,846,612	4,944,321,288
- Nguyên giá	222		7,695,579,024	8,506,631,752
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3,137,732,412)	(3,562,310,464)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228	V.10	378,200,000	378,200,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(378,200,000)	(378,200,000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	422,978,257,044	328,282,875,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		277,833,060,000	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		147,960,000,000	328,282,875,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		4,930,000,000	4,930,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(7,744,802,956)	(4,930,000,000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		230,946,115	307,003,052
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	230,946,115	307,003,052
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		550,965,120,872	557,540,141,482

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ICAPITAL

Địa chỉ: Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		186,162,637,371	210,509,168,998
I. Nợ ngắn hạn	310		186,162,637,371	210,509,168,998
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	156,055,636,775	170,005,882,082
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	290,537,055	17,484,358,828
4. Phải trả người lao động	314		489,208,522	548,719,525
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		58,500,000	42,500,000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	22,061,166,289	22,019,146,326
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	7,099,026,493	300,000,000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		108,562,237	108,562,237
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ICAPITAL

Địa chỉ: Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		364,802,483,501	347,030,972,484
I. Vốn chủ sở hữu	410		364,802,483,501	347,030,972,484
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.15	323,073,240,000	179,999,990,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		323,073,240,000	179,999,990,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.15	33,007,063,010	58,087,522,482
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.15	(702.929.619)	(6,164.759,586)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.15	-	27,646,195,601
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.15	9,425,110,110	87,462,023,987
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		30,122,492,070	87,462,023,987
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(20,697,381,960)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		550,965,120,872	557,540,141,482

Đặng Thị Đoan Trang
Người lập

Trần Thị Len
Kế toán trưởng



Lập, ngày 28 tháng 07 năm 2022

Nguyễn Thành Công
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 2 năm 2022

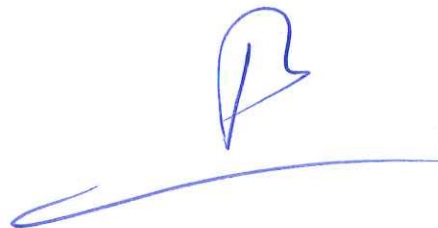
Chỉ tiêu	Mã số	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	41,500,000		3,937,885,898	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	0	599,893,492		599,893,492
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	41,500,000	-599,893,492	3,937,885,898	-599,893,492
4. Giá vốn hàng bán	11	26,265,909		3,734,148,421	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20	15,234,091	-599,893,492	203,737,477	-599,893,492
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1,087,922,331	4,653,188,312	25,796,543,829	22,349,313,866
7. Chi phí tài chính	22	35,481,152,222	540,273,631	45,601,733,231	814,016,598
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	0	462,977,532	94,466,937	463,975,681
8. Chi phí bán hàng	25	0			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	930,245,889	702,860,665	2,140,890,572	1,488,084,591
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26)	30	-35,308,241,689	2,810,160,524	-21,742,342,497	19,447,319,185
11. Thu nhập khác	31	3,789,526,150	40,606,672	3,810,316,717	378,854,538
12. Chi phí khác	32	12,114,107	-36,958,612	2,765,356,180	301,289,254
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	3,777,412,043	77,565,284	1,044,960,537	77,565,284
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	-31,530,829,646	2,887,725,808	-20,697,381,960	19,524,884,469
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	-2,746,324,618	277,431,710		3,604,863,442
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	0			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	-28,784,505,028	2,610,294,098	-20,697,381,960	15,920,021,027
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	0			
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	0			

Người lập biểu



Đặng Thị Đoàn Trang

Kế toán trưởng



Trần Thị Len

Ngày ... 25 tháng ... 7 năm ... 2022

Tổng giám đốc



Nguyễn Thành Công

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ICAPITAL

Địa chỉ: Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(20,697,381,960)	19,524,884,469
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9	386,474,676	301,381,818
- Các khoản dự phòng	03		29,592,668,949	39,527,276
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, 6	(9,574,189,854)	(2,634,490,235)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	94,466,937	463,975,681
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(197,961,252)	17,695,279,009
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(682,369,891)	(80,837,164)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(4,284,626,068)	(1,246,773,536)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		22,476,937	(217,537,951)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	V.2a	(50,178,060,561)	(50,919,286,647)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(80,966,937)	(75,279,212)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.12	(12,965,958,468)	(10,037,653,867)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(68,367,466,240)	(44,882,089,368)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(7,231,967,273)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		163,636,364	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(75,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.5	300,000,000	136,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(125,629,533,584)	(15,261,428,100)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		71,608,427,000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,433,831,105	2,634,490,235
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(52,123,639,115)	41,141,094,862

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ICAPITAL

Địa chỉ: Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.15	38,468,892,977	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.14	25,315,824,091	63,940,180,135
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.14	(18,516,797,598)	(39,674,337,505)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		45,267,919,470	24,265,842,630
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(75,223,185,885)	20,524,848,124
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	79,150,537,183	4,901,355,827
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	3,927,351,298	25,426,203,951

Đặng Thị Đoàn Trang
Người lập

Trần Thị Len
Kế toán trưởng



Lập, ngày 28 tháng 07 năm 2022

Nguyễn Thành Công
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ICAPITAL

Địa chỉ: Tầng 3, tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư iCapital (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Hoạt động tư vấn đầu tư

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong kỳ là: xây lắp, tư vấn và đầu tư tài chính, quản lý vận hành các công ty con, công ty liên kết trong lĩnh vực điện gió.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đại dịch Covid-19

Trong 6 tháng đầu năm 2022, dịch Covid-19 lây lan trên diện rộng đã ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng.

Ban lãnh đạo đã thực hiện đánh giá về tác động tổng thể của tình hình đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như các ảnh hưởng đến tài chính, bao gồm khả năng thu hồi nợ và nhận thấy dịch Covid-19 không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính Quý II năm 2022

6. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Linh 8 có trụ sở chính tại thôn Xa Bai, xã Hướng Linh, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là sản xuất năng lượng. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 50,1%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Linh 7 có trụ sở chính tại thôn Mã Lai, xã Hướng Phùng, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là sản xuất năng lượng. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 32,81%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp 3	Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Xí nghiệp 5	Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Xí nghiệp 7	Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Hồ Chí Minh	Tòa nhà Kim Tâm Hải, số 27 đường Trường Chinh, phường Tân Thời Nhất, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh

Tại thời điểm lập báo cáo này, các đơn vị trực thuộc của Công ty đều đã dừng hoạt động.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 07 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 05 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp Nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc kỳ kế toán do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên cơ sở dự thu.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập dự phòng căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	06 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

10. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.

- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được giá.

12. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm giá trị công trình xây lắp bị cắt giảm khi quyết toán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ bàn giao, nghiệm thu dịch vụ xây lắp được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp công trình đã nghiệm thu, bàn giao và ghi nhận doanh thu kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh giá trị bị cắt giảm khi quyết toán thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản cắt giảm phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ này.
- Nếu khoản cắt giảm phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ sau.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

14. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ có thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	25.434.796	140.712.834
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.341.239.692	65.466.049.878
Tiền đang chuyển ⁽ⁱ⁾	-	12.011.826.373
Các khoản tương đương tiền - Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	1.560.676.810	1.531.948.098
Cộng	3.927.351.298	79.150.537.183

(i) Là tiền bán chứng khoán chờ về theo quy định T+3

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ				Số đầu năm			
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu	4.378.471	121.862.066.716	90.849.782.000	(31.717.588.735)	1.384.090	71.684.006.155	66.749.836.000	(4.939.722.742)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	975.000	36.853.968.592	21.742.500.000	(15.111.468.592)	750.000	36.853.968.592	34.800.000.000	(2.053.968.592)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	600.000	31.581.858.400	21.330.000.000	(10.251.858.400)	600.000	31.581.858.400	30.000.000.000	(1.581.858.400)
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	1.204.800	21.319.442.668	21.927.360.000	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	1.259.100	17.762.395.030	14.101.920.000	(3.660.475.030)	-	-	-	-
Tổng công ty IDICO - Công ty cổ phần	121.770	6.447.820.862	5.568.210.000	(879.610.862)	-	-	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	162.000	4.596.599.400	3.920.400.000	(676.199.400)	-	-	-	-

- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3200706750 ngày 11 tháng 3 năm 2020, thay đổi lần thứ năm ngày 17 tháng 12 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp, Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Linh 7 có vốn điều lệ là 434.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Linh 7 là 147.960.000.000 VND, sở hữu 14.240.000 cổ phần, chiếm 32,81% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Linh 7 (không thay đổi so với đầu năm).
- (iii) Tại ngày 31 tháng 3 năm 2022, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ 2.227.500 cổ phần của Công ty Cổ phần Cấp quang Việt Nam Vina - OFC với giá bán 22.700.000.000 VND; lãi chuyển nhượng là 8.489.125.000 VND (xem thuyết minh số VI.3). Tiền thu từ hoạt động chuyển nhượng này sẽ được thu hồi trong 7 tháng kể từ ngày ký hợp đồng chuyển nhượng. Đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2022, tổng số tiền còn phải thu là 17.700.000.000 VND (xem thuyết minh số V.3).
- (iv) Công ty Cổ phần Công nghệ Cấp quang và Thiết bị Bưu điện đang lâm vào tình trạng phá sản nên theo Công ty trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư này với mức trích lập là 100%.

Tình hình hoạt động của công ty con, công ty liên kết

Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Linh 7 và Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Linh 8 đã đi vào hoạt động từ quý 2 năm 2022.

Giao dịch với công ty con, công ty liên kết

Công ty không phát sinh giao dịch với các công ty con và công ty liên kết.

2c. Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các khách hàng khác	18.281.989.498	67.144.766.498
Nguyễn Mạnh Hiến - Phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Cấp quang Việt Nam Vina-OFC ⁽ⁱ⁾	17.700.000.000	-
Nguyễn Thu Phương - Phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Khách sạn Bưu điện Nha Trang	-	65.504.427.000
Đặng Thị Đoàn Trang	-	1.104.000.000
Ban Quản lý Dự án Phát triển Công trình Đô thị	400.186.922	400.186.922
Các khách hàng khác	181.802.576	136.152.576
Cộng	18.281.989.498	67.144.766.498

- (i) Theo quy định tại Hợp đồng chuyển nhượng số 01/HĐCNCP/PTIC-NMH ngày 19 tháng 2 năm 2022, khoản phải thu trên sẽ được khách hàng thanh toán trong vòng 07 tháng kể từ ngày ký hợp đồng chuyển nhượng.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
--	-------------------	-------------------

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	120.000.000	-
Công ty Luật TNHH Vietthink	32.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	7.885.000	5.585.000
Cộng	<u>159.885.000</u>	<u>5.585.000</u>

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>3.900.000.000</i>	<i>4.200.000.000</i>
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly ⁽ⁱ⁾	3.900.000.000	4.200.000.000
Cộng	<u>3.900.000.000</u>	<u>4.200.000.000</u>

- (i) Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly vay theo các hợp đồng có thời hạn vay 24 tháng kể từ ngày giải ngân từng đợt, lãi suất 9%/năm, mục đích cho vay để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản cho vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất cùng các tài sản trên đất và các tài khác của Bên vay. Các hợp đồng cho vay được ký kết năm 2017 và đã được gia hạn đến ngày 14 tháng 12 năm 2022.

6. Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>5.894.936.286</i>	-	<i>6.407.436.286</i>	-
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly - phải thu lãi cho vay	5.894.936.286	-	6.407.436.286	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>987.481.631</i>	-	<i>483.371.206</i>	-
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.624.814	-	1.527.429	-
Phải thu lãi cho vay	196.327.158	-	196.327.158	-
Ký cược, ký quỹ	106.815.000	-	165.753.000	-
Tạm ứng	246.563.190	-	47.700.000	-
Các khoản phải thu khác	436.151.469	-	72.063.619	-
Cộng	<u>6.882.417.917</u>	-	<u>6.890.807.492</u>	-

6b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn.

7. Nợ xấu

Là khoản trích lập dự phòng khoản phải thu khách hàng "Ban quản lý dự án phát triển công trình đô thị", tỷ lệ trích lập dự phòng 100%.

8. Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Là chi phí thuê văn phòng.

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	219.510.209	296.776.238
Các chi phí trả trước dài hạn khác	11.435.906	10.226.814
Cộng	<u>230.946.115</u>	<u>307.003.052</u>

9. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá				
Số đầu năm	2.101.272.727	770.890.890	5.634.468.135	8.506.631.752
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(811.052.728)	(811.052.728)
Số cuối kỳ	<u>2.101.272.727</u>	<u>770.890.890</u>	<u>4.823.415.407</u>	<u>7.695.579.024</u>
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	740.890.890	841.815.407	1.582.706.297
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	420.254.545	742.637.784	2.399.418.135	3.562.310.464
Khấu hao trong kỳ	52.531.818	2.142.858	331.800.000	386.474.676
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(811.052.728)	(811.052.728)
Số cuối kỳ	<u>472.786.363</u>	<u>744.780.642</u>	<u>1.920.165.407</u>	<u>3.137.732.412</u>
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	1.681.018.182	28.253.106	3.235.050.000	4.944.321.288
Số cuối kỳ	<u>1.628.486.364</u>	<u>26.110.248</u>	<u>2.903.250.000</u>	<u>4.557.846.612</u>
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

10. Tài sản cố định vô hình

Là chương trình phần mềm máy tính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Phải trả các nhà cung cấp khác	<u>156.055.636.775</u>	<u>170.005.882.082</u>
Nguyễn Quang Duy ⁽ⁱ⁾	80.446.626.416	93.832.000.000
Đặng Quốc Chính ⁽ⁱⁱ⁾	51.850.900.000	58.102.000.000
Nguyễn Công Chiến ⁽ⁱⁱⁱ⁾	17.574.400.000	17.574.400.000
Nguyễn Công Hùng ^(iv)	5.728.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	455.710.359	497.482.082
Cộng	<u>156.055.636.775</u>	<u>170.005.882.082</u>

- (i) Khoản phải trả Ông Nguyễn Quang Duy tiền mua 7.160.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Linh 8 theo Hợp đồng chuyển nhượng số 02/HĐCNCP ngày 24 tháng 12 năm 2021 giá mua 16.000 VND/cổ phần, tổng giá trị hợp đồng là 114.560.000.000 VND và thỏa thuận thay thế HĐCN CP số 02/TTTTHĐ/PTC-NQD.
- (ii) Khoản phải trả Ông Đặng Quốc Chính theo các hợp đồng sau:
 Hợp đồng chuyển nhượng số 01/HĐCNCP/PTIC-ĐQC ngày 24 tháng 12 năm 2021 phải trả tiền mua 5.560.000 cổ phần, giá mua 11.000 VND/cổ phần. Số dư phải trả tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2022 của hợp đồng chuyển nhượng này là 6.026.900.000 VND.
 Hợp đồng chuyển nhượng số 02/2022/HĐCNCP/PTIC-ĐQC ngày 17 tháng 3 năm 2022 phải trả tiền mua 3.580.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Linh 8, giá mua 16.000 VND/cổ phần. Số dư phải trả tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2022 của hợp đồng chuyển nhượng này là 45.824.000.000 VND.
- (iii) Khoản phải trả Ông Nguyễn Công Chiến tiền mua 3.222.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Linh 8 theo Hợp đồng chuyển nhượng số 02/HĐCNCP ngày 24 tháng 12 năm 2021, giá mua 16.000 VND/cổ phần, tổng giá trị hợp đồng là 61.160.000.000 VND và thỏa thuận thay thế HĐCN CP số 01/TTTTHĐ/PTC-NCC.
- (iv) Khoản phải trả Ông Nguyễn Công Hùng tiền mua 3.973.800 cổ phần của Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Linh 8 theo Hợp đồng chuyển nhượng số 01/2022/HĐCNCP/PTIC-NCH ngày 14 tháng 3 năm 2022, giá mua 13.700 VND/cổ phần.

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Xử lý thuế TNDN các năm trước (i)	Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp		Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	154.336.280	156.733.223	1.663.780.193	(1.663.779.893)	-	154.336.280	156.733.223
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.591.848.254	-	-	(12.965.958.468)	(3.625.889.786)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	136.898.119	-	24.378.166	(25.075.510)	-	136.200.775	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	601.276.175	-	968.953.786	(1.570.229.961)	-	-	-
Cộng	17.484.358.828	156.733.223	2.657.112.145	(16.225.043.832)	(3.625.889.786)	290.537.055	156.733.223

- (i) Khoản thuế TNDN các năm trước Công ty không còn nghĩa vụ phải thanh toán.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%
 Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

Năm nay	Năm trước
---------	-----------

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(17.882.579.004)	19.524.884.469
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	3.035.175.407	(445.032.841)
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>3.035.175.407</i>	<i>214.850.000</i>
- Thuế nộp chậm	2.753.242.073	
- Chi phí khấu hao xe ô tô vượt định mức	198.466.667	148.850.000
- Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	83.466.667	66.000.000
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>-</i>	<i>(659.882.841)</i>
Thu nhập chịu thuế	(14.847.403.597)	19.079.851.628
Thu nhập được miễn thuế	-	(1.055.534.418)
Thu nhập tính thuế	(14.847.403.597)	18.024.317.210
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	3.604.863.442

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

13. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	22.061.166.289	22.019.146.326
Tài sản thừa chờ giải quyết ⁽ⁱ⁾	17.721.937.050	17.721.937.050
Kinh phí công đoàn	46.747.326	44.843.928
Phải trả về cổ phần hóa	51.520.000	51.520.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.198.575.000	1.198.575.000
Lãi vay cá nhân phải trả	1.985.305.989	1.985.305.989
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.057.080.924	1.016.964.359
Cộng	22.061.166.289	22.019.146.326

(i) Theo Nghị quyết số 09/NĐ-HĐQT ngày 10 tháng 11 năm 2021, Hội đồng quản trị giao cho Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Icapital thực hiện các công việc sau:

- Thông báo cho các quý đơn vị đối tác, doanh nghiệp và cá nhân có công nợ liên quan đến PTIC đến làm việc để xử lý công nợ và các vấn đề liên quan trước thời điểm lập báo cáo tài chính quý IV năm 2021 để công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng. Sau thời gian nêu trên, nếu quý đối tác, doanh nghiệp, cá nhân không đến làm việc, Tổng Giám đốc sẽ báo cáo Hội đồng quản trị Công ty để xử lý các khoản công nợ theo quy định hiện hành;
- Tổng Giám đốc thực hiện đăng tải thông báo trên các phương tiện truyền thông; trang web Công ty, gửi Sở Giao dịch Hồ Chí Minh, Ủy ban chứng khoán, báo chí (tối thiểu 02 kỳ liên tiếp).

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty đã thực hiện phân loại các khoản công nợ phải trả dư lâu ngày nhưng không có các đối tác liên quan đến làm việc theo dõi trên khoản mục

“Tài sản thừa chờ giải quyết” để xin ý kiến Hội đồng quản trị Công ty và Đại hội đồng Cổ đông Công ty phương án xử lý. Cụ thể:

	<u>Số tiền (VND)</u>
Phải trả người bán	7.583.541.858
Người mua trả tiền trước	3.183.293.005
Vay ngắn hạn các cá nhân	2.470.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.485.102.187
Cộng	<u>17.721.937.050</u>

14. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ký quỹ Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset ⁽ⁱ⁾	6.799.026.493	300.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân ⁽ⁱⁱ⁾	300.000.000	300.000.000
Cộng	<u>7.099.026.493</u>	<u>300.000.000</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay ký quỹ Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset với lãi suất 9,3%/năm, thời hạn vay từ 3 đến 6 tháng.
- (ii) Khoản vay cá nhân là cán bộ công nhân viên Công ty và các đối tượng khác có lãi suất từ 9% đến 11% /năm để phục vụ nhu cầu vốn lưu động của Công ty, thời hạn vay từ 01 đến 12 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ký quỹ Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset	-	25.315.824.091	(18.516.797.598)	6.799.026.493
Vay ngắn hạn các cá nhân	300.000.000	-	-	300.000.000
Cộng	<u>300.000.000</u>	<u>25.315.824.091</u>	<u>(18.516.797.598)</u>	<u>7.099.026.493</u>

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

15. Vốn chủ sở hữu

15a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Kỳ trước						
Số đầu năm	179.999.990.000	35.684.263.731	(11.031.195.407)	27.646.195.601	30.413.191.203	262.712.445.128
Lợi nhuận kỳ trước	-	-	-	-	15.920.021.027	15.920.021.027
Số dư cuối kỳ trước	179.999.990.000	35.684.263.731	(11.031.195.407)	27.646.195.601	46.333.212.230	278.632.466.155
Kỳ này						
Số dư đầu năm	179.999.990.000	58.087.522.482	(6.164.759.586)	27.646.195.601	87.462.023.987	347.030.972.484
Tăng vốn từ lợi nhuận chưa phân phối ⁽ⁱ⁾	57.339.531.917	-	-	-	(57.339.531.917)	-
Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển ⁽ⁱ⁾	27.646.195.601	-	-	(27.646.195.601)	-	-
Tăng vốn từ thặng dư vốn cổ phần ⁽ⁱ⁾	58.087.522.482	(58.087.522.482)	-	-	-	-
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	33.007.063.010	5.461.829.967	-	-	38.468.892.977
Lợi nhuận kỳ này	-	-	-	-	(20.697.381.960)	(20.697.381.960)
Số dư cuối kỳ này	323.073.240.000	33.007.063.010	(702.929.619)	-	9.425.110.110	364.802.483.501

⁽ⁱ⁾ Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 17 tháng 2 năm 2022. Số lượng cổ phiếu phát hành là 14.307.325 cổ phiếu, giá phát hành bằng mệnh giá là 10.000 VND.

15b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bà Phạm Thị Thu Hà	-	87.111.380.000
Ông Võ Anh Linh	9.000.000.000	43.800.000.000
Các cổ đông khác	312.916.240.000	30.931.610.000
Cổ phiếu quỹ	1.157.000.000	18.157.000.000
Cộng	323.073.240.000	179.999.990.000

15c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.307.324	17.999.999
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành ra công chúng	32.307.324	17.999.999
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	115.700	1.014.700
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	32.191.624	16.985.299

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

16a. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 411,8 USD (số đầu năm là 411,8 USD).

16b. Nợ khó đòi đã xử lý

Khoản mục	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu ngắn hạn khách hàng</i>	<i>16.408.835.999</i>	<i>16.408.835.999</i>
Công ty Viễn thông liên tỉnh	3.307.021.232	3.307.021.232
Xí nghiệp Khảo sát thiết kế	1.837.861.923	1.837.861.923
Viễn thông Bà Rịa Vũng Tàu	1.354.490.857	1.354.490.857
Các khách hàng khác	9.909.461.987	9.909.461.987
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>	<i>6.026.554.479</i>	<i>6.026.554.479</i>
Công ty Cổ phần Gang thép Vạn Lợi Phú Thọ	1.646.295.000	1.646.295.000
Công ty TNHH Xây dựng Hưng Nguyên	1.238.690.800	1.238.690.800
Các nhà cung cấp khác	3.141.568.679	3.141.568.679
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	<i>30.550.206.388</i>	<i>30.550.206.388</i>
Tạm ứng thi công công trình và sản xuất kinh doanh	22.368.177.286	22.368.177.286
Các khoản phải thu khác	8.182.029.102	8.182.029.102
Cộng	<u>52.985.596.866</u>	<u>52.985.596.866</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu cho thuê văn phòng	31.500.000	-
Doanh thu dịch vụ tư vấn	10.000.000	-
Cộng	<u>41.500.000</u>	<u>-</u>
2. Giảm trừ doanh thu		
Cộng	<u>0</u>	<u>599.893.492-</u>
3. Giá vốn hàng bán		

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của cho thuê văn phòng	26.265.909	-
Giá vốn của dịch vụ tư vấn	-	-
Cộng	26.265.909	-
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
Cộng	1.087.922.331	4.653.188.312
5. Chi phí tài chính		
Cộng	35.481.152.222	540.273.631
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Cộng	930.245.889	702.860.665
7. Thu nhập khác		
Cộng	3.789.526.150	40.606.672
8. Chi phí khác		
Cộng	12.114.107	-36.958.612

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	234.420.766	200.021.557
Chi phí nhân công	589.377.110	936.913.637
Chi phí khấu hao tài sản cố định	386.474.676	301.381.818
Chi phí dịch vụ mua ngoài ⁽ⁱ⁾	4.091.063.503	417.265.053
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	-	(659.882.841)
Chi phí khác	573.702.938	292.385.367
Cộng	5.875.038.993	1.488.084.591

⁽ⁱ⁾ Trong đó:

- Chi phí dịch vụ mua ngoài cho hoạt động xây dựng là 3.681.616.603 VND
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác là 409.446.900 VND

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Kỳ này	Tiền lương	Tiền thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Bà Phạm Thị Thu Hà - Chủ tịch HĐQT	-	-	24.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Thành Công - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (từ ngày 23/02/2022)	89.668.888	-	17.733.333	107.402.221
Ông Hoàng Thế Vinh - Thành viên HĐQT (từ ngày 25/04/2022)	-	-	8.439.560	8.439.560
Bà Trần Thị Kim Thoa - Thành viên HĐQT độc lập (đến ngày 25/04/2022)	-	-	15.560.440	15.560.440
Ông Nguyễn Tuấn Anh - Thành viên Thành viên HĐQT (từ ngày 17/02/2022) kiêm thành viên Ủy ban KTNB (từ ngày 23/02/2022)	-	-	31.500.000	31.500.000
Ông Phạm Vĩnh Phú - Thành viên Thành viên HĐQT (từ ngày 17/02/2022) kiêm thành viên Ủy ban KTNB	-	-	26.200.000	26.200.000
Cộng	89.668.888	-	123.433.333	213.102.221
Kỳ trước				
Bà Phạm Thị Thu Hà - Chủ tịch HĐQT	-	-	24.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Công Khởi - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	131.380.338	-	24.000.000	155.380.338
Bà Trần Thị Kim Thoa - Thành viên HĐQT độc lập	-	-	24.000.000	24.000.000
Ông Phạm Vĩnh Phú - Thành viên Ban KTNB	-	-	18.000.000	18.000.000
Cộng	131.380.338	-	90.000.000	221.380.338

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Linh 7	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Linh 8	Công ty con (từ ngày 18 tháng 3 năm 2022)
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con, công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

Năm nay

Năm trước

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly		
Thu nợ gốc cho vay	300.000.000	-
Thu tiền lãi cho vay	700.000.000	-
Lãi cho vay phải thu phát sinh	187.500.000	208.158.937

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.5 và V.6.

Hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ là hoạt động xây dựng và hoạt động đầu tư chứng khoán kinh doanh và chỉ trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý. Doanh thu, chi phí của hoạt động xây dựng và hoạt động đầu tư chứng khoán được trình bày tại các thuyết minh số VI.1, VI.2, VI.3, VI.4

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Giải trình nguyên nhân kết quả lợi nhuận sau thuế âm và chênh lệch lợi nhuận sau thu

Trong quý II năm 2022 Công ty có kết quả lợi nhuận sau thuế lỗ 28,784 tỷ đồng và chênh lệch hơn 10% so với cùng kỳ năm ngoái (LNST Quý II năm 2021 là 2,61 tỷ đồng) do các nguyên nhân chủ yếu sau:

- Trong quý II năm 2022, thị trường chứng khoán trong nước đã có mức giảm điểm tương đối mạnh, thanh khoản thị trường cũng có xu hướng giảm liên tục trong giai đoạn này, dẫn đến giá cổ phiếu trong danh mục đầu tư của iCapital giảm so với giá mua vào. Công ty đã tiến hành trích lập dự phòng tại thời điểm 30/6/2022 đối với các khoản đầu tư này với số tiền: 26,1 tỷ trong quý II và 29,59 tỷ trong 6 tháng đầu năm 2022 dẫn đến chi phí tài chính của Công ty tăng cao. Tuy nhiên các mã cổ phiếu trong Danh mục đầu tư của Công ty đều là các cổ phiếu có tiềm năng phát triển tốt, có kỳ vọng sẽ đạt lợi nhuận trong tương lai.
- Trích lập dự phòng khoản đầu tư vào công ty liên kết Công ty CP Điện gió Hướng Linh 7: 2,8 tỷ đồng tại thời điểm 30/6/2022.

Người lập biểu

Đặng Thị Đoàn Trang

Kế toán trưởng

Trần Thị Len

Hà Nội, Ngày 28 tháng 07 năm 2022

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thành Công